

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày: 10-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Hồ Đắc Minh;

2 Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

1. *Họ và tên:* Cao Xuân Đ, sinh năm 1999 tại tỉnh Nghệ An; HKTT: Xóm 5, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện tại: Xóm 3, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Bá D, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2024 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Đình G, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phan Mộng T, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố 1, phường T, thành phố B,

tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện tại: Đường DJ 10, khu phố 3B, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Đình G và Cao Xuân Đ cùng làm công nhân tại Công ty TNHH gỗ YuHong tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đ và G ở chung phòng trọ số 17 nhà trọ Hồ Văn U' tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Ngày 16/6/2024, Đ uống rượu cùng Giáp và bạn của G (không rõ nhân thân, lai lịch). Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Đ đi bộ về phòng trọ. Khoảng 10 phút sau, G điều khiển xe mô tô biển số 60B5-730.40 (do bà Nguyễn Thị H là vợ của Giáp đứng tên chủ sở hữu), nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng đen về phòng trọ. G dựng xe vào bên trong phòng trọ, có sẵn chìa khóa trên xe. Sau đó, G nằm ngủ và bỏ ví da của mình trên nền nhà. Thấy vậy, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô trên nên Đ lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và điều khiển xe mô tô đi về phường M, thành phố B. Tại đây, Đ thuê phòng trọ ngủ. Ngày 17/6/2024, Đ điều khiển xe mô tô trên đến cửa hàng “Cầm đồ 277” tại đường DJ10, khu phố 3B, phường T, thành phố B bán xe cho bà Phan Mộng T với giá 7.500.000 đồng. Số tiền này, Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bà T đã bán lại xe mô tô trên cho một người không rõ nhân thân, lai lịch.

Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 21/8/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 xe mô tô biển số 60B5-730.40, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng đen có giá trị 7.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã truy tìm xe mô tô biển số 60B5-730.40, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn trắng đen nhưng không thu hồi Đ.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Đối với bà Phan Mộng T, khi mua xe của Đ, bà T không biết do Đ trộm cắp mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-DT ngày 16/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Cao Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Xuân Đ từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Nguyễn Đình G và Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Mộng T. Xét thấy, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của ông G, bà H và bà T không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Vào khoảng 23 giờ ngày 16/6/2024 phòng trọ số 17 nhà trọ Hồ Văn U tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60B5-730.40 có giá trị 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của ông Nguyễn Đình G và bà Nguyễn Thị H. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 16/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo Cao Xuân Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức Đ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định có trị giá là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) theo kết luận định giá số 29/KL-HĐĐG ngày 21/8/2024. Do đó, bị cáo bị truy tố và đưa ra xét xử về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp, đúng quy định. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại Đ pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có cha là người có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Đ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận Đ bồi thường thiệt hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phân tội danh, điều khoản truy tố cũng như mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 136, 260, 262, 292, 299, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Cao Xuân Đ phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Cao Xuân Đ 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Cao Xuân Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10.01.2025).

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết